

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
T. KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DSST

Ngày 28/01/2021

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đoạt

2. Ông Cao Phước Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: tham gia phiên tòa có ông Nguyễn Minh Hậu.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 182/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Ông **Hồ Văn B**, sinh năm 1966 (vắng mặt-có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: số 177 Lý Thường Kiệt, khu phố 5, thị trấn D Đ, huyện PQ, tỉnh KG.

2/ *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Mỹ Hưng, xã ML, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2020 nguyên đơn ông Hồ Văn B trình bày như sau:*

Do có mối quan hệ bạn bè nên vào ngày 04/12/2016 ông có cho ông Nguyễn Văn T vay số tiền là 125.000.000 đồng. Mục đích vay là đầu tư sửa chữa cơ sở kinh doanh Karaoke. Thời hạn vay hai bên không thỏa thuận cụ thể, chỉ thỏa thuận khi nào cần thì ông B báo trước vài tuần thì ông T sẽ trả, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Sau thời gian vay khoảng 1 năm thì phía ông T có trả được số tiền là 75.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng thì đến nay vẫn chưa trả được.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho ông số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng theo biên nhận đề ngày 04/12/2016, không yêu cầu tính lãi.

** Tại các bản khai, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày như sau:*

Trước đây ông Nguyễn Văn T có kinh doanh quán Kraoke ở ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Sau đó ông T chuyển nhượng quán cho ông Trần Việt Quốc, ông Quốc cho ông T thuê lại quán để kinh doanh. Đến khoảng năm 2016 ông T chuyển nhượng nội thất và các vật dụng kinh doanh cho một nhân viên tên Thi với giá là 125.000.000 đồng. Thời điểm này ông B là thẩm phán đang thụ lý vụ án ly hôn và chia tài sản chung giữa nguyên đơn ông Lăng Hưng Lợi với bà Nguyễn Thị Đẹp (ông Lợi ủy quyền cho ông T) nên ông B gây áp lực ép ông T phải sang quán và nội thất lại cho ông B. Thấy vậy ông T đã kêu cô Thi sang lại quán cho ông B với giá là 125.000.000 đồng, ông T bù thêm cho cô Thi 10.000.000 đồng. Sau đó, ông B đã đưa trực tiếp tiền sang quán cho ông T là 125.000.000 đồng để ông T giao lại cho cô Thi. Đồng thời với việc ông B đưa tiền sang quán cho ông T thì ông B lại yêu cầu ông T viết và ký tên vào biên nhận vay tiền với ông B đề ngày 04/12/2016. Do ông T sợ ông B gây khó khăn khi giải quyết vụ án của ông Lăng Hưng Lợi nên ông T đồng ý viết và ký vào biên nhận nợ. Còn đối với số tiền 75.000.000 đồng thì ông T thừa nhận có chuyển cho ông B (thông qua người khác do ông B yêu cầu) nhưng đó không phải là trả tiền vay mà là do ông B nói kệt tiền, ông B nói sau khi giải quyết xong vụ án ông Lợi thì sẽ tính toán lại với nhau.

Nay ông Hồ Văn B yêu cầu ông phải trả số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng thì ông không đồng ý vì ông không có vay tiền của ông B.

** Tại phiên tòa vị đại diện VKS phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy việc vay nợ giữa ông B và ông T là có thực thông qua Giấy biên nhận nợ ngày 04/12/2016 mà ông T đã thừa nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Hồ Văn B khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải trả số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng. Ông T cư trú tại ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Vào ngày 04/12/2016, ông Hồ Văn B và ông Nguyễn Văn T có xác lập quan hệ vay tài sản, cụ thể ông B có cho ông T vay số tiền tổng cộng là 125.000.000 đồng. Hai bên có làm biên nhận tay (Bút lục số 02). Trong thời gian vay hai bên không thỏa thuận lãi suất và ông T đã trả cho ông B số tiền 75.000.000 đồng (bằng hình thức chuyển khoản), còn lại 50.000.000 đồng đến nay ông T vẫn không trả.

Xét thấy, trong thời gian chuẩn bị xét xử, ông T có thừa nhận chữ viết và chữ ký của mình trong biên nhận nợ ngày 04/12/2016 do ông B cung cấp với tổng số tiền nợ 125.000.000 đồng và có xác nhận là chuyển khoản cho ông B số tiền 75.000.000 đồng nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Như vậy ông T còn nợ ông B số tiền 50.000.000 đồng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”

Xét lời khai của ông T cho rằng ông B ép ông phải viết và ký tên vào biên nhận nợ, chứ thực tế ông không có vay mượn tiền gì của ông B. Xét thấy: ông T không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng, anh Lữ Văn Thượng xác định không chứng kiến và không biết việc ông B yêu cầu ông T viết biên nhận nợ khi trả tiền sang quán. Do đó, HĐXX không có cơ sở để xem xét.

Từ những cơ sở trên, sau khi thảo luận nghị án, HĐXX chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T phải trả cho ông Hồ Văn B số tiền 50.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.500.000 đồng (50.000.000 đồng x 5%).

- Ông Hồ Văn B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn B đối với ông Nguyễn Văn T.

Buộc ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm trả cho ông Hồ Văn B số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Về án phí DSST:

- Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm ngàn đồng).

- Hoàn trả cho ông Hồ Văn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.00 đồng (Một triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000954 ngày 02/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3/. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc